

# Đôi điều về Văn miếu, Văn chỉ

ĐINH KHẮC THUẬN\*

**1** - Văn miếu tức miếu văn, trong chừng mực nào đó để dễ cắt nghĩa, có thể liên hệ với Võ miếu tức miếu võ. Có nghĩa là miếu văn là nơi phụng thờ các vị tiền bối về văn cử, còn miếu võ là nơi thờ về võ nghiệp.

Cả nước có một văn miếu chung, dựng ở kinh thành, như Văn miếu của các triều từ nhà Lý đến nhà Lê được dựng ở kinh thành Thăng Long, nay là khu Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội; còn Văn miếu thời Nguyễn thì được dựng ở Huế, cố đô của nhà Nguyễn. Cũng dưới triều Nguyễn, các tỉnh cũng có văn miếu chung của tỉnh.

Nhà Lý định đô ở Thăng Long năm 1010, thì đến năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho dựng Văn miếu. Sự kiện này đã được chính sử như Đại Việt sử ký toàn thư và Cương mục, ghi khá cụ thể như sau: "Năm Canh Tuất niên hiệu Thái Vũ thứ 2 (1070) đời Lý Thánh Tông, mùa thu, tháng 8 dựng Văn miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phổi, vẽ tranh Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây" (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản dịch 1998, t.1, tr.275).

Chúng ta biết rằng Khổng Tử (551-470 TCN) là vị tổ sư về Nho học ở Trung Quốc, là tấm gương lớn "tự học không biết chán, dạy người không biết mệt" Tứ phổi tức bốn vị được pho hưởng là Nhan Hồi (513-482 TCN), Tăng Sâm (505-436 TCN), Khổng Cấp (483-401 TCN) và Mạnh Kha (372-289 TCN) tiêu biểu cho các thế hệ Nho gia làm sáng danh Khổng Phu Tử; còn Thất thập nhị hiền, tức 72 vị hiền tài, vốn là những học trò xuất sắc, tiêu biểu cho trên ba nghìn học trò của Khổng Tử. Trong số 72 vị hiền tài này đến thời Tư Mã Thiên được các nhà Nho đời Hán chọn ra 10 vị ưu tú nhất gọi là

Thập triết. đó là Mẫn Tổn (536 - 497 TCN), Nhiêm Ung (522-483 TCN), Đoan Mộc Tử (520-483 TCN), Trọng Do (542-481 TCN), Bốc Thương (507-420 TCN), Nhiêm Canh (544-505 TCN), Tể Dư (520-481 TCN), Nhiêm Cầu (522-462 TCN), Ngôn Yển (506-443 TCN) và Chuyên Tôn Sư (503-446 TCN). Văn miếu thời Lý nước ta đã có tranh vẽ thờ cả 72 vị tiên hiền, song sau đó được tu chỉnh lại theo chế độ nhà Hán. Bởi thế ngày nay chúng ta chỉ thấy có tượng Khổng Tử, bốn tượng Tứ phổi và 10 bài vị của Thập triết.

Với việc lập Văn miếu thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền, triều Lý chính thức lựa chọn chế độ chính trị nước ta theo đường lối Nho giáo như ở Trung Quốc. Trong bối cảnh chịu ảnh hưởng văn hóa Hán như nước ta và các nước khác trong khu vực, việc lựa chọn hệ tư tưởng Nho gia này có ý nghĩa tích cực nhất định đối với sự phát triển đất nước. Để duy trì hệ tư tưởng và thể chế chính trị này lâu dài, yêu cầu triều đình phải có một đội ngũ trí thức. Vì thế vua nhà Lý khuyến khích việc học và nêu gương trước tiên bằng cách cho Hoàng Thái tử vào học tại Văn Miếu. Ngoài Hoàng Thái tử, sau đó con cái của các quan tại triều cũng được chọn vào đây học. Chưa đầy 5 năm sau, năm Giáp Dần niên hiệu Thái Ninh thứ 3 (1074), Lý Nhân Tông đã cho mở khoa thi Nho học đầu tiên, gọi là Minh Kinh bác học tại Văn Miếu, với tên tuổi Lê Văn Thịnh là bậc khai khoa của các nhà khoa bảng nước ta. Năm 1076 nhà vua cho các quan viên văn chức biết chữ được vào học và nhà học trong Văn miếu được gọi là Quốc Tử Giám, có thể xem là trường đại học đầu tiên

của Việt Nam. Vì thế khu vực này được gọi chung là Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Từ thời Lê sơ, triều đình cho dựng bia Tiến sĩ ở đây. Hiện tại còn 82 bia, trong đó khoa thi sớm nhất được khắc bia là khoa thi năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo (1442), và khoa muộn nhất là khoa năm Cảnh Hưng 40 (1779), cả thảy ghi được 1.037 vị đỗ đại khoa, trong đó có 65 nhát giáp, 263 vị nhị giáp và 939 vị tam giáp.

Như vậy Văn Miếu - Quốc tử Giám ở Thăng Long không chỉ là nơi thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết (Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An, thời Trần, cũng được đưa vào thờ ở Văn Miếu), mà còn là nơi đào tạo nhân tài cho đất nước, đồng thời còn là nơi nêu gương truyền thống hiếu học, khoa bảng - là biểu tượng của truyền thống Nho học.

Khi nhà Nguyễn dời đô vào Huế, triều đình cho xây dựng Văn Miếu Huế ở gần chùa Thiên Mụ và khu Võ Miếu. Văn Miếu ở đây có quy mô nhỏ bé hơn nhiều so với Văn miếu ở Thăng Long, chủ yếu chỉ là nơi thờ phụng các vị tiên hiền và để dựng bia Tiến sĩ.

Cũng trong thời kỳ nhà Nguyễn, các tỉnh được dựng Văn Miếu riêng, cũng để tế lễ và dựng bia để danh các vị đỗ đạt trong tỉnh. Hiện nay có Văn Miếu Hưng Yên, Văn Miếu Hải Dương và Văn Miếu Bắc Ninh còn được bảo lưu khá tốt, nhất là văn miếu Hưng Yên là một trong những văn miếu hàng tỉnh quy mô nhất hiện còn.

Văn Miếu Hưng Yên còn gọi là Văn Miếu Xích Đằng đặt ở thôn Yên Tảo huyện Kim Động phủ Khoái Châu, nay thuộc thôn Xích Đằng xã Lam Sơn thị xã Hưng Yên, được xây dựng năm Minh Mệnh 20 (1839) (Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Hưng Yên, A.69). Khu di tích có 1 chuông đồng và 1 khánh đá rất lớn, cùng 9 bia tiến sĩ để danh dựng thành hai hàng trong nhà bia (nay đặt trong đền thờ). Cụm bia văn miếu Hưng Yên được đặt lần thứ nhất do Hoàng Cao Khải dựng vào năm Đồng Khánh 3 (1888) gồm 8 văn bia, còn 1 văn bia do Tổng đốc Hưng Yên là Dương Thiệu Tường dựng vào năm 1943. Văn bia ghi lại được 161 vị đỗ tiến sĩ trong tỉnh. Tuy nhiên tỉnh Hưng Yên thời Nguyễn bao gồm cả một số địa phương nay thuộc huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình.

2- Văn chỉ, văn từ là nơi phụng thờ các bậc tiên hiền và là nơi sinh hoạt của hội tư văn địa phương. Hội tư văn, bao gồm những người đỗ đạt và Nho sĩ của huyện hay của làng xã. Tư liệu văn bia cho biết dưới thời Mạc, thế kỷ XVI,

đã có Hội tư văn hàng huyện, như văn bia Tiên hiền từ bi dựng năm Sùng Khang 9 (1574) tại Tiên Lãng, Hải Phòng, ghi hội tư văn huyện Tân Minh gồm khoảng 180 vị Nho học của 10 tổng trong huyện tham gia dựng đền thờ tiên hiền. Tuy nhiên việc dựng văn chỉ, từ chỉ ở địa phương được trở nên phổ biến dưới thời Nguyễn.

Thời Nguyễn, không chỉ có văn từ hàng huyện mà còn có văn chỉ hàng tổng và của làng xã. Có khá nhiều văn bia cho biết các địa phương dựng văn chỉ, văn từ thờ cúng tiên hiền và ghi tên người đỗ đạt, đồng thời để khuyến khích việc học và phát huy truyền thống hiếu học ở địa phương.

Chẳng hạn Văn từ xã Thổ Hoàng thuộc huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên vốn do vị Văn trưởng tăng chức Kinh Bắc xứ thừa ty Tham Chính, tước Văn Phong nam, họ Hoàng huý Sĩ Khoa bỏ tiền làm nền vào thời Lê, sau đến thời Nguyễn có vị Quang tiến thận lộc đại phu Bồi tòng Lại bộ Tả thị lang nhập thị kinh diên tước Thi Khánh nam họ Hoàng huý Côn Thực mua 4 sào ruộng mở rộng quy mô văn chỉ, Hoàng thượng ban trụ đá, bình hương và đồ tế tự. Văn bia ở đây đã ghi lại nhiều vị đỗ đạt trong huyện như Nguyễn Trung Ngạn đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn người xã Thổ Hoàng. Đăng Công Tuyên đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn người xã Vực Đường, Cái Công Phùng tiến sĩ khoa Quý Mùi, người xã Thổ Hoàng, Vũ Tín Biểu tiến sĩ khoa Mậu Tuất người xã Bình Lăng; Nguyễn Công Lê tiến sĩ khoa Đinh Mùi người xã Thổ Hoàng, Nguyễn Thuần Hạ tiến sĩ khoa Đinh Mùi người xã Trà Lỗi, Nguyễn Châu Chu tiến sĩ khoa Đinh Mùi người xã Thổ Hoàng, Nguyễn Nho Tông tiến sĩ khoa Đinh Mùi người xã Thổ Hoàng, Nguyễn Văn Bính tiến sĩ khoa Ất Sửu người xã Thổ Hoàng, Nguyễn Chấn Chi, tiến sĩ khoa Mậu Thìn người xã Thổ Hoàng, Vũ Công, tiến sĩ khoa Giáp Thìn người xã Thổ Hoàng, Đinh Công Tú tiến sĩ khoa Giáp Thìn người xã Nam Trì, Hoàng Công Tuân tiến sĩ khoa quý Sửu người xã Thổ Hoàng, Nguyễn Đức Trâm tiến sĩ khoa Nhâm Thìn người xã Mai Xuyên, Hoàng Công Chân tiến sĩ khoa Tân Mùi người xã Thổ Hoàng... Ngoài ra ở văn từ này còn phụ thờ cha con Lê Quý Đôn là Lê Phú Thứ tước Hà Quận công chức Hình bộ Thượng thư tiến sĩ khoa Giáp Thìn và Lê Quý Đôn tước Dĩnh Quận công chức Công bộ Thượng thư, tiến sĩ khoa Nhâm

# Đôi điều về ...

(TIẾP TRANG 75)

Thân. Có lẽ vì đất Hưng Hà tỉnh Thái Bình ngày nay từng thuộc về đất Hưng Yên trước kia.

Cụm văn bia văn chỉ làng Đan Nhiêm thuộc thị trấn Văn Giang cho biết nơi đây vốn là văn chỉ hàng huyện của huyện Văn Giang. Bài văn bia văn chỉ dựng năm Tự Đức thứ 21 (1868) ghi việc thân hào huyện Văn Giang cải tạo từ vú, có đoạn dịch ra sau đây:

“... xã Đan Nhiêm tổng Phụng Công huyện ta xưa là huyện Tế Giang rất hưng thịnh về khoa giáp. Từ chỉ của văn hội được dựng tại đây. Trước ngày gọi là chỉ vũ, nay dựng lại. Vào mùa đông năm Ất Sửu vị cựu huyện doãn của huyện ta là Tôn Thất Cự tính thích làm điều thiện đến đất này. Lúc đầu thân hào trong huyện đến nghênh tiếp, nhân đó nói rằng bản huyện đang muốn sửa đàn thờ thành chỗ có nhà thờ cúng. Nói chưa dứt lời thì vị huyện doãn đã cười và đáp rằng: Đây là ý nguyện của việc thiện vậy. Trước ngày khai ở Yên Dũng đã bàn đến việc ở đây, không ngờ lại cùng chí hướng bậc quân tử huyện nhà. Sau đó Văn hội trong huyện bàn với nhau, đến trình với vị trưởng khoa là Như Lân và vị phó bảng họ Nguyễn chiếu theo danh vị từng người mà phân bổ tiền, cùng mời các huyện quan làm gương và quyên góp các hào phú trong huyện đóng góp tiền của trợ giúp chi phí.

Huyện quan muốn duy trì kỷ cương, nên đã bàn với các văn thân, cán viên cùng cai tổng đương sự, phó tổng, đương thứ đôn đốc các chánh phó lý triển khai công việc. Vào mùa xuân tháng 2 năm Bính Dần khởi công xây dựng chính miếu, đến mùa hạ tháng tư thì xây xong và chuẩn bị đầy đủ mọi vật liệu để dựng đình tế. Khi này huyện doãn được thăng bổ làm tri huyện huyện Mộ Đức, ông từng có nhiều ân huệ với sĩ nhân trong huyện hạt. Mọi người hết lòng quý trọng và thỉnh cầu ông về ý nguyện muốn đổi làm từ chỉ.

Quả thực huyện này vốn thờ tiên hiền, khoa giáp trong huyện tại một đền thờ, quy mô còn sơ sài, hàng năm hai kỳ xuân thu tế lễ ở đây.

Vào cuối thời Lê khoa bảng thưa ít, nhưng gặp lúc quốc triều hưng vận, huyện nhà lại có các vị đỗ đạt, nhiều người thăng quan tiến chức. Dù ở đâu, hàng năm các quan chức đều về tế lễ vào hai kỳ xuân thu. Tuy nhiên nơi thờ cúng lâu ngày hư hỏng, nên nay có vị đồng tri phủ phân phủ bản phủ là Vũ Quân đứng ra trùng tu, tiếp nữa có vị Lưu Quân tu bổ. Chính đàn thờ Tiên Thánh, hai bên thờ các tiên sinh khoa giáp trong huyện. Sau nữa lại đặt ruộng tế để chi phí khi lễ tế, gồm Lưu Quân 6 mẫu. Đỗ Quân 4 mẫu. Các nha môn, quan chức cùng các viên chánh tổng, lý trưởng trong bản huyện theo lệ cũ duy trì tế lễ như trước. Có vị Huấn đạo họ Nguyễn huý Xuân Phường bàn rằng: Từ chỉ huyện này phụng thờ từ trước, nay các văn thân, tú tài cai tổng, phó tổng bàn xây dựng thành điều ước. Mùa xuân năm Kỷ Hợi khởi thảo, tâu trình lên Tham Tri Tô tiến sĩ, Biện lý Đỗ cử nhân xem xét. Các điều khoản đều dựa trên các lệ tục xưa nay.

Quả là lễ nghĩa là do bậc tiên hiền, quân tử xướng lên. Nay có lòng thành tôn kính tiền nhân cũng là giữ lễ nghĩa vậy. Từ chỉ trước sau được duy trì dài lâu, càng hợp với lễ nghĩa. Công việc hoàn hảo, nên làm bài kí khắc lại... Ruộng tế tại xứ Cửa Chùa thôn Thượng xã Đan Nhiêm gồm 10 mẫu, bốn phía đều có giới mốc. Đông giáp ruộng xã Lại Ốc, tây giáp ruộng người trong xã, nam giáp ruộng người trong xã, bắc giáp ruộng người trong xã...”.

Đây là những tư liệu hết sức phong phú về Nho học và truyền thống khoa bảng ở các địa phương trong tỉnh Hưng Yên cũng như của làng xã người Việt thời trước. Những khu di tích này hiện đang được tái tạo và bảo tồn nhằm phát huy truyền thống hiếu học của cha ông trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

D.K.T